TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2019/QĐST- DS	*Ứng Hoà, ngày 14 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ L số: 36/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã H2.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự:

*** Nguyên đơn**: Bà **Kiều Thị H** - sinh năm 1965. Nơi ĐKHKTT: thôn XC, xã QPC, huyện UH, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Ông **Trương Thế H1** - sinh năm 1974; Bà **Bùi Thị L** - sinh năm 1978. Đều có nơi ĐKHKTT: thôn HD, xã TT, huyện UH, thành phố Hà Nội.

* ***Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:

+ Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1959

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985

+ Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1987

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn XC, xã QPC, huyện UH, thành phố Hà Nội.

+ Anh Trần Ngọc D, sinh năm 1983

+ Chị Nguyễn Thị PT, sinh năm 1984

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn TD, xã HD, huyện TO, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

2.1 Vợ cH ông Trương Thế H1 và bà Bùi Thị L xác nhận có nợ bà Kiều Thị H số tiền nợ gốc 69.300.000đồng và tiền nợ lãi 40.000.000đồng; tổng cộng vợ cH

ông H1 bà L nợ bà H tổng số tiền 109.300.000đồng (*Một trăm linh chín triệu ba trăm nghìn đồng chẵn*);

2.2 Các bên tự nguyện thoả thuận về thời hạn thanh toán nh- sau:

Vợ cH ông Trương Thế H1 bà Bùi Thị L và bà Kiều Thị H tự nguyện thỏa thuận và thống nhất: Ông H1 và bà L có trách nhiệm thanh toán trả cho bà H tổng số tiền 109.300.000đồng (*Một trăm linh chín triệu ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo 02 lần, thời gian trả nợ như sau:

+ *Lần một*: Chậm nhất đến hết ngày 11/01/2020 vợ cH ông H1 và bà L có trách nhiệm thanh toán trả cho bà H toàn bộ số tiền nợ gốc 69.300.000đồng (*Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng chẵn);*

+ *Lần hai*: Chậm nhất đến hết ngày 11/03/2020 vợ cH ông H1 và bà L có trách nhiệm thanh toán trả cho bà H số tiền nợ lãi 40.000.000đồng *(Bốn mươi triệu đồng chẵn).*

Trường hợp vợ cH ông H1 bà L không thực hiện theo đúng thỏa thuận nêu trên *(vi phạm về thời gian trả nợ và số tiền trả)* thì bà H có quyền làm đơn đến Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền để Thi hành án theo pháp luật.

2.3 Về án phí : Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH4 vụ Quốc H2 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí dân sự là 1.366.000đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trương Thế H1 bà Bùi Thị L nộp cả số tiền 2.732.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông H1 và bà L được giảm 50% tiền án phí đối với phần ông Trương Thế H1 bà Bùi Thị L phải chịu; số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Thế H1 bà Bùi Thị L còn phải nộp là 2.049.000đồng *(Hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn).*

* Trả lại cho bà Kiều Thị H 7.250.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008884 ngày 10/12/2018 và biên lai số 0009213 ngày 09/7/20149 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện □ng Hoà.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ợc thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà n- ớc quy định t- ơng ứng với thời gian ch- a thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc.

***** Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận**:*
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án. /.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện